TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2023/TL.ST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn K

Địa chỉ: Ấp TPA, thị trấn CT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Tô Thị Kim O

Địa chỉ: Ấp TPA, thị trấn CT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trương Văn K trình bày: Ông và bà O được người quen mai mối, sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông, bà có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/1994. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không tìm được tiếng nói chung khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hạnh phúc không còn nên ông và bà O đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trương Thủy T (nữ) sinh ngày 10/01/1996 và Trương Thành T (nam) sinh ngày 23/10/2005. Hiện nay, cháu Trương Thủy T đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng. Cháu Trương Thành T hiện đang sống cùng với ông. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Tô Thị Kim O trình bày như sau: Bà và ông K nhờ mai mối mà tiến tới hôn nhân, hai bên cũng tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 1994. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014. Đối với yêu cầu ly hôn của ông K bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trương Thủy T (nữ) sinh ngày 10/01/1996 và Trương Thành T (nam) sinh ngày 23/10/2005. Hiện nay, cháu Trương Thủy T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng. Cháu Trương Thành T hiện đang sống cùng với ông K. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông K được nuôi cháu T, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà O và ông K vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn K đối với bà Tô Thị Kim O; Về con chung: Giao cháu Trương Thành T cho ông K nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà O cấp dưỡng nên bà O chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải

quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Văn K và bà Tô Thị Kim O do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà O. Bà O có địa chỉ cư trú ở ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà O và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hai bên khai thống nhất là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông K, bà O đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông K đối với bà O.

[3.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trương Thủy T (nữ) sinh ngày 10/01/1996 và Trương Thành T (nam) sinh ngày 23/10/2005. Hiện nay, cháu Trương Thủy T đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi dưỡng. Cháu Trương Thành T hiện đang sống cùng với ông K. Sau khi ly hôn, ông K yêu cầu được nuôi con chung, bà O đồng ý giao cháu T cho ông K nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện vọng sống cùng cha. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con chung của ông K. Giao cháu Trương Thành T nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, ông K không yêu cầu bà O cấp dưỡng nên bà O chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Ông K khai không có, bà O xác định có tài sản nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông Trương Văn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn K đối với bà Phạm Thị Kim O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Văn K được ly hôn với bà Tô Thị Kim O.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thành T (nam) sinh ngày 23/10/2005 cho ông Trương Văn K nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Trương Văn K không yêu cầu bà Tô Thị Kim O cấp dưỡng nuôi con chung nên bà O chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Trương Văn K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai số 0002008 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông K đã nộp xong án phí.

5. Nguyên đơn là ông Trương Văn K và bị đơn là bà Tô Thị Kim O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND thị trấn Cái Tắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chúc Linh